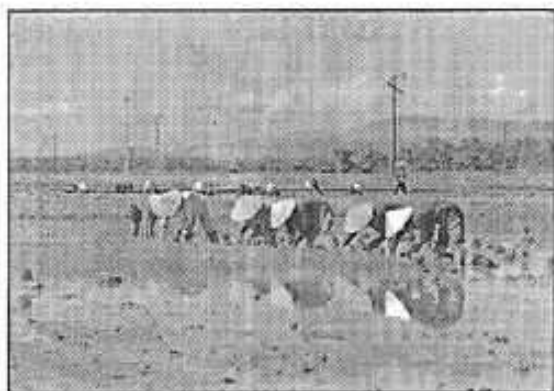


LÂM THANH LIÊM

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

143

CHÍNH SÁCH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT VIỆT NAM (1954-1994)



Nhà sách và xuất bản
NAM Á

CHƯƠNG THỨ NHÌ

ÁP DỤNG TÂN CHÍNH SÁCH "ĐỔI MỚI" NÔNG NGHIỆP.

Để lấy lại niềm tin của nhân dân, kỳ họp lần thứ nhì Trung ương đảng (khóa VI) tại Hà Nội từ ngày 1 đến ngày 9 tháng 4 năm 1987, nhiều Nghị quyết quan trọng được ban hành.

I- CẢI CÁCH "ĐỔI MỚI" KINH TẾ.

Chính sách cải cách, "đổi mới" kinh tế của Nghị quyết Trung ương đảng lần thứ nhì này gồm các điểm chánh dưới đây:

1/ "Đổi mới" nông nghiệp.

- Tiếp tục áp dụng phương pháp "khoán gọn". Từ

nay, mỗi xã viên trực tiếp chịu trách nhiệm một mảnh ruộng tập thể. Tuy nhiên, một vài công tác tập thể vẫn còn trong HTX hay TĐSX, như làm đất, thủy nông, bảo vệ thực vật. Công việc tập thể này vẫn được tính bằng "điểm chấm công" như trước kia.

- Thuế nông nghiệp được áp dụng "linh động, mềm dẻo".

Hà nội quyết định giảm bớt chi phí sản xuất của HTX và TĐSX cũng như "nông dân cá thể".

* Giảm giá phân bón hóa học, thuốc trừ sâu trong "hợp đồng hai chiều".

* Các vật liệu này được Nhà nước chở, giao cho tập thể ngay tại điểm sản xuất, để tránh thất thoát ra ngoài thị trường tự do và giảm chi phí trung gian do chính quyền địa phương thu thêm.

* Giá phân bón v.v... một khi được chính phủ ấn định, chính quyền xã không có quyền tăng giá để lấy lời, làm cho chi phí sản xuất tăng.

- Duyệt xét lại "hợp đồng hai chiều" của HTX và TĐSX.

* Các nông trại tập thể phải duyệt xét lại, giảm "khoán" trong "hợp đồng hai chiều". "Khoán" phải được ấn

định, theo nguyên tắc thỏa thuận đôi bên, giữa ban quản lý HTX, TĐSX và các xã viên.

* Trong các điều kiện bình thường (Thời tiết thuận hòa, không sâu rầy phá hoại mùa màng v.v...), Nhà nước ấn định lợi tức xã viên (sau khi trừ thuế) từ 30% đến 40%.

* Sản lượng "khoán" phải được ghi rõ trong hợp đồng "khoán" và không thay đổi cho đến năm 1990.

2/ "Đổi mới" công nghiệp.

Để tạo năng động cho các xí nghiệp, chính sách cải tạo khẩn trương được áp dụng cho các xí nghiệp quốc doanh và tư doanh.

- Trong lãnh vực quốc doanh:

* Hủy bỏ bao cấp. Kể từ đây, các xí nghiệp quốc doanh được hưởng quyền tự trị tài chánh, hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc làm ăn lời hay lỗ lã.

* Do đó, cần phải "đổi mới" quản lý, tập trung vào hạch toán kinh doanh, "theo đường lối X.H.C.N".

- Trong lãnh vực tư doanh:

* "Mềm dẻo hóa" chính sách đánh thuế, để khuyến khích phát triển các tiểu xí nghiệp thu dụng dưới 10 công nhân, và các tiểu thủ công nghiệp có tính cách gia đình.

* Cấm chính quyền địa phương đặt ra thêm các sắc thuế "phụ thu".

* Duy trì phương pháp "hợp đồng hai chiều". Các xí

ngành hợp đồng với Nhà nước có thể bán chế phẩm thặng dư cho chính phủ, với giá "thỏa thuận" hoặc ra ngoài thị trường "tự do".

3/ "Đổi mới" thương nghiệp.

- Hủy bỏ các cơ quan trung gian không cần thiết để giảm chi phí:

- * Trục tiếp giao hàng đến tận các địa điểm bán lẻ.
- * Hủy bỏ các cơ quan thương mại không thuộc nghiệp vụ kinh doanh.

- "Giải phóng hóa" tư thương.

* Tiểu thương và tư thương bán lẻ được nhà nước khuyến khích và chính thức hóa.

* Tự do lưu thông hàng hóa và các nhu yếu phẩm, ngoại trừ một vài sản phẩm được gọi là "đặc sản" dành ưu tiên để xuất khẩu (ça phê, tôm hùm, cua v.v...).

* Hủy bỏ chính sách "ngăn sông cấm chợ": Các trạm kiểm soát hàng hóa dọc theo các trục giao thông đều bị nghiêm cấm.

* Khuyến khích phát triển các phương tiện giao thông, chuyển vận tư nhận trên các lộ trình ngắn.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC THỰC THI CHÍNH SÁCH "ĐỔI MỚI, GIẢI PHÓNG KINH TẾ".

Các Nghị quyết của kỳ họp lần thứ nhì Ban chấp hành Trung ương đảng tiến tới việc "giải phóng" kinh tế. Tuy nhiên, trên lộ trình cải tạo về đường dài, đầy chông gai, Hà Nội gặp phải nhiều chương ngại vật.

Thật vậy, trong những ngày đầu áp dụng tân chính sách kinh tế, Hà Nội gặp nhiều khó khăn trong việc thuyết phục chính quyền địa phương tôn trọng các chỉ thị của chính phủ. Tự do lưu thông hàng hóa chẳng hạn, đã được chính thức hóa bởi Quyết định số 80 của Thủ tướng (tháng 3 năm 1987), không thật sự được các tỉnh miền Bắc áp dụng, ngay cả các vùng phụ cận ngoại ô của thủ đô Hà Nội. Theo báo Nhân Dân, thì Chủ tịch Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội phải đích thân đến tận chỗ, tại cầu Long Biên, để yêu cầu đập phá hủy bỏ các trạm kiểm soát hàng hóa. Tại miền Nam cũng thế, chính quyền địa phương ở nhiều nơi không tôn trọng chỉ thị Nhà nước.

Tại một vài tỉnh như Minh Hải, Kiên Giang, Hậu Giang v.v... chẳng hạn, các đơn vị cảnh sát kinh tế lưu động K3 vẫn tiếp tục "tung hoành", bất chấp luật lệ Nhà nước, đi tuần hành dọc theo quốc lộ 4 cũ, nối liền các tỉnh

miền Tây với thành phố Hồ Chí Minh, chặn xét bắt ngờ các xe hành khách, xe hàng v.v... và tịch thu các nhu yếu phẩm (gạo, thịt, cá, tôm, cua v.v...). Nông dân, giới buôn bán phản đối họ. Cảnh sát kinh tế K3 thản nhiên trả lời: "Phép vua thua lệ làng"!

Chính sách mập mờ, không nhất quán, sự trở trái làm mất của chính quyền làm cho nông dân, các nhà tiểu thủ công nghiệp, giới "tư bản dân tộc", giới thương gia làm "áp phe" v.v... dè dặt, không tin tưởng. Những đợt "đánh" tư sản trong những năm 1975, 1978-1979 và 1983-1985 chẳng hạn đã làm cho họ hoài nghi về chính sách "đổi mới". Các tầng lớp nhân dân trong cả nước từ Bắc chí Nam rất thất vọng chủ nghĩa xã hội. Sự thất vọng của họ càng tràn trề hơn nữa, khi Quốc hội chỉ định, vào tháng 8-1988, nhân vật Đỗ Mười, Ủy viên Bộ chính trị đứng hàng thứ 4, nắm giữ chức vụ Thủ tướng, thay thế Phạm Hùng qua đời vì bệnh già (vào tháng 3-1988). Nhân dân sống trong hoài nghi, không biết ngày mai ra sao cả. Họ đã hoàn toàn mất hết niềm tin đối với giới lãnh đạo Hà Nội, mà bản chất là không "trước sau như một", vẫn "bí mật", vẫn gặt gẫm dân, trở trái làm mặt nhiều lần. Do đó, họ không màng gia tăng sản xuất. Một số có thái độ thụ động, bất động. Nhờ có tiền để dành và nhờ thân nhân ở hải ngoại gởi "quà cáp" và ngoại tệ về Việt Nam giúp đỡ, họ sống lây lất qua ngày. Họ nhẩn nại, chờ đợi chính phủ cấp giấy xuất cảnh đoàn tụ gia đình. Một số người khác

giảm bớt hoạt động làm ăn. Vì họ sợ phiêu lưu mạo hiểm, sẽ đưa đến thất bại trong kinh doanh. Nhà nước có thể trở trái làm mặt, bất ngờ ban hành các biện pháp kinh tế khác để tịch thu hết tài sản họ. Chẳng hạn như một sớm một chiều, chính quyền có thể áp dụng một chính sách mới về thuế khóa đánh vào lợi tức quá cao làm cho các xí nghiệp bị khánh tận, như chánh quyền Hà Nội đã từng làm trong những năm "cải tạo kinh tế" 1978, 1979, 1983, 1985 v.v..., họ đã phải "tình nguyện" dâng hiến cơ sở, xí nghiệp cho nhà nước! Đỗ Mười đã làm như thế trong quá khứ.

Sự chống kháng thụ động của nông dân, các nhà tiểu thủ công nghiệp, các "tư sản dân tộc", các thương gia v.v... đưa đến nhiều hậu quả tai hại. Mặc dù viện trợ kinh tế Liên Xô ồ ạt cho kế hoạch ngũ niên lần thứ IV (1986-1990), mặc dù viện trợ nhân đạo gấp nhiều lần của Tây phương v.v..., chính quyền Hà Nội vẫn không thành công chặn đứng đà lạm phát phi mã. Nạn siêu lạm phát bằng 3 con số, trong những năm 1987, 1988, đã làm cho giới lãnh đạo "đau đầu" (700% lạm phát mỗi năm, theo ước tính chính thức, 1000 đến 1200%, theo ước tính Tây phương).

Bị thất mùa liên tiếp trong nhiều năm (1986-1987), nông dân thiếu đói. Nạn đói đe dọa. Mặc dù thế, Hà Nội từ chối không giảm thuế, không giảm giá phân v.v... trong năm 1983. Hơn thế nữa, chính phủ buộc họ phải tôn trọng "hợp đồng hai chiều". Theo luật hiện hành, nếu gặp nhiều

khó khăn bất ngờ (như thất mùa vì thời tiết bất thường chẳng hạn), nông dân không thể trả nợ cho nhà nước địa tô và nợ (tiền phân bón hóa học, thuốc trừ sâu và các sắc thuế khác v.v...), họ có thể xin "khất nợ", năm sau trả. Tuy nhiên, dù tình trạng tài chánh của họ ra sao đi nữa, dù bị thêm nạn thất mùa, họ vẫn phải trả sòng phẳng nợ nần của họ cho Nhà nước. Nếu họ không trả nổi nợ, thì chính quyền địa phương áp dụng tức khắc một số biện pháp chế tài vô nhân đạo:

- Tự do di chuyển của nông dân bị hạn chế. Muốn rời khỏi xã, họ phải làm đơn xin phép công an xã, phải giải thích lý do.

- Hoặc họ phải trình diện mỗi ngày trước chính quyền xã, công an v.v... trong những giờ làm việc và chỉ được phép trở về nhà vào buổi chiều, sau giờ tan sở. Do đó, họ không thể nào làm ăn được chỉ cả như chăm lo công việc đồng áng chẳng hạn.

- Nhiều biện pháp chế tài kinh tế khác ép buộc nông dân phải trả nợ sòng phẳng cho Nhà nước. Theo cuộc phỏng vấn người Việt tỵ nạn sang Pháp (gốc nông dân), thì vào năm 1987 chẳng hạn, nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long bị thất thu một vụ lúa, vì thiên tai. Đồng bằng sông Hồng cũng thế. Nạn thiếu đói lan tràn ở nhiều tỉnh miền Bắc như Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Hà Nam Ninh v.v..., trong thời kỳ giáp hạt (tháng 5 và tháng 6-1988). Đồng bằng sông Cửu Long lâm vào hoàn cảnh tương tự.

Nhiều thảm cảnh đã được người Việt tỵ nạn kể rất đáng thương tâm ở các tỉnh miền Tây như Hậu Giang, Minh Hải, Tiền Giang, ở miền Trung như Thuận Hải, Phú Khánh v.v... hay trên Cao nguyên như Di Linh, Lâm Đồng v.v..

Nhiều xã viên canh tác vài sào ruộng (1 sào = 1/10 ha) không thể trả nợ cho nhà nước 2 năm liên tiếp. Họ bị tán gia bại sản, vì bị thất mùa liên tiếp trong các năm 1986-1987. Nạn đói đe dọa gia đình họ. Mặc dù thế, chính quyền địa phương tịch thu một số tài sản của họ còn lại như bàn ăn, ghế đẩu và cả bàn thờ, mà nông dân xem như là của cải linh thiêng của gia đình. Ở vài tỉnh như Lâm Đồng trên Cao nguyên, Hậu Giang và miền Tây chẳng hạn, chính quyền địa phương ra lệnh nghĩa quân giở lấy một phần "tôn" lợp nóc nhà của nông dân bị mắc nợ. Những hành động thái quá của "cường hào ác bá" địa phương còn tìm thấy ở ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh, tại Thủ Đức chẳng hạn, cách 10 km về phía Bắc của cự thủ đô miền Nam. Chính quyền địa phương truy nã con nợ giống tựa như một cuộc "hành quân". Các nghĩa quân trang bị vũ khí, đến tận nhà họ lục soát từng nhà, tìm kiếm thóc và các vật dùng có giá trị để siết nợ. Những hành động thô bạo này làm cho giới nông dân đồng bằng sông Cửu Long bất mãn (1983-1986). Nó gợi lại hình ảnh tương tự đã xảy ra tại miền Bắc trước kia, khi chính quyền thực hiện tập thể hóa ruộng đất, trong những năm 1950

và 1960. Trong quyển sách tựa đề "*Thực Trạng Nông Nghiệp, Nông Thôn Và Nông Dân Việt Nam 1976-1990*", tác giả Nguyễn Sinh Cúc ⁽⁴⁶⁾ mô tả thoáng qua thảm trạng này qua đoạn văn như sau:

"Nhiều địa phương và cơ sở phải sử dụng các biện pháp hành chính thậm chí cả biện pháp quân sự để thu thuế, gây nên tình hình mất đoàn kết và căng thẳng ở nông thôn, nông dân không yên tâm sản xuất v.v...".

Từ năm 1987, các đợt nông dân chống đối dưới nhiều hình thức khác nhau đã diễn ra nhiều nơi: Nhiều vở hài kịch, nhiều câu ca dao châm biếm v.v... chỉ trích chế độ. Chẳng hạn như các vở kịch được Đài Truyền Hình Cần Thơ phát hình, năm 1987, dưới nhan đề *«Tiếng Hò Sông Hậu»* ⁽⁴⁷⁾, mô tả lại lịch sử của "Hội Đồng Dư". Ông này là một đại điền chủ có nhiều quyền hành, cư ngụ tại Cổ Cò. Hội đồng Dư cho tá điền vay nặng lãi, thu địa tô cao. Ngoài ra được đề cử vào chức vụ quan trọng trong xã, ông lại đánh thuế nặng nông dân. Khi tá điền không trả nổi nợ vay, Hội đồng Dư chửi mắng họ, bắt giam họ. Khi xảy ra đảo chánh Nhật vào mùa thu năm 1945, lật đổ chính quyền thực dân Pháp, chính những nông dân này đã nổi dậy, giết chết Hội đồng Dư. Trong vở kịch này, cách đối xử của Hội đồng Dư giống tựa như tác phong của các chủ tịch hội đồng nhân dân xã hiện nay: cũng bắt bớ, hà hiếp, siết nợ nông dân không trả nổi nợ cho Nhà nước. Bởi vậy, giới nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long mới đặt biệt danh

của các chủ tịch hội đồng Nhân dân xã là "ông Hội đồng Dư...". Trước phản ứng nhân dân bất lợi cho chính quyền Hà Nội, giới cầm quyền Cần Thơ quyết định cấm hát vở kịch *«Ông Hội Đồng Dư»*.

Mặc dù bị nhân dân thán oán, chính quyền Hà Nội làm ngơ và nhất định đeo đuổi chính sách cải tạo kinh tế đến cùng. Họ làm áp lực nông dân bị mắc nợ, bắt buộc họ phải trả nợ đúng thời hạn.

Lần đầu tiên, Hà Nội chính thức nhìn nhận sản lượng lương thực bị tụt giảm, năm 1987 (trên 1 triệu tấn thóc so với năm 1986). Ngoài 300.000 ha trồng cây lương thực bị hoang hóa (số liệu thống kê chánh thức) và năng suất thấp, Việt Nam còn gặp phải nhiều khó khăn khác như thời tiết xấu, nhân dân phá hoại dưới hình thức thụ động trong HTX và TĐSX, nạn khan hiếm phân bón và nhiều tác tố khác (như giao phân cho xã viên chậm trễ, do đó phân ít còn tác dụng để cây lúa tăng trưởng, 50% máy cày bị hư hỏng vì thiếu đồ phụ tùng thay thế). Bởi vậy, nền kinh tế nông thôn Việt Nam bị lâm nguy, nhất là ở miền Bắc. Nạn thiếu ăn, nạn đói kém có định kỳ thường xuyên xảy ra từ nhiều năm, nhưng ít ai biết đến, nhất là giới Tây phương. Mãi đến năm 1988, những thảm trạng nêu trên xuất hiện rõ như ban ngày, vào thời kỳ giáp hạt tháng 6-1988, do sản lượng lương thực bị tụt giảm đột ngột năm 1987 gây nên. Nhiều tỉnh Bắc Việt bị thiếu ăn, thiếu đói, bị đói kém.

Theo số liệu thống kê chính thức, thì trên tổng số 9,3 triệu người (39,7% dân số địa phương) của 21 tỉnh và thành phố, từ Bình Trị Thiên ra ngoài Bắc:

- Có 3,6 triệu dân bị đói kém.
- 5,7 triệu dân bị nạn thiếu đói, năm 1988.

Những vùng bị nạn đói hoàn hành nặng nhất là Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Hà Nam Ninh v.v...

Theo nguồn tin Tây phương, khoảng 7 triệu người thiếu ăn, từ sau Tết vào tháng 2 năm 1988. Trên số 7 triệu người này, có 3 triệu (trong đó 40% trẻ con) ở trong tình trạng nguy ngập, hiểm nghèo.

Đồng bằng sông Cửu Long cũng không thoát nạn thiếu ăn, thiếu đói như trường hợp của huyện Cần Giuộc thuộc phạm vi của vùng thành phố Hồ Chí Minh chẳng hạn, do các người Việt tỵ nạn cho biết và được được cán bộ cao cấp của Hà Nội, nhân chuyển công tác ở Paris, xác nhận.

Vì không còn che giấu, "bảo mật" được nữa với chính sách "mở cửa", nên chính quyền Hà Nội đành phải thú nhận. Bởi vậy, trước Hội Đồng Liên Hiệp Quốc và các tổ chức không thuộc chính phủ (ngày 14-4-1988), Thủ trưởng Bộ Nông Nghiệp Chu Mạnh cho thế giới biết rằng «... Việt Nam bị thiếu hụt 1,5 triệu tấn lương thực, năm 1987...». Nhiều quốc gia Tây phương đã hưởng ứng lời kêu gọi của chính phủ Hà Nội (Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu góp 10.000 tấn gạo, Pháp: 4.800 tấn bột mìn, Thụy Điển 4

triệu Mỹ kim thuốc trừ sâu cho vụ 1988, Úc: 160.000 Mỹ kim v.v...).

Tuy nhiên, viện trợ nhân đạo của cộng đồng quốc có tính cách nhỏ giọt để thoát khỏi khủng hoảng, Bộ chính trị quyết định thay đổi chính sách nông nghiệp, ban hành ngày 5-4-1988 "Nghị quyết 10" được gọi nôm na là "Khoán 10". Nghị quyết này đánh dấu một tân chính sách nông nghiệp Việt Nam.

III. TÂN CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP, CHIẾU THEO "KHÓAN 10" NGÀY 5-4-1988.

Nghị quyết 10 thật ra là sự tiếp tục của chính sách cải tạo kinh tế còn bị gián đoạn, căn cứ trên Quyết định số 26 (ngày 13-6-1980) và trên Quyết định số 100 của Ủy ban Thường vụ Trung ương đảng (ngày 13-1-1981). Nghị quyết đánh dấu một sự chuyển hướng phát triển kinh tế Việt Nam.

Trong lãnh vực nông nghiệp, Nhà nước áp dụng mềm dẻo các biện pháp đánh thuế, và thay đổi phương pháp canh tác, để khuyến khích nông dân hăng hái, lấy sáng kiến tăng gia sản xuất:

- Giảm địa tô: Chính phủ ấn định 11% mỗi vụ lúa và

địa tô này không thay đổi trong thời gian là 5 năm.

- Giảm "khoán" trong "hợp đồng 2 chiều": "khoán" được duyệt xét lại. Nhà nước ấn định lợi tức của xã viên là 40% mỗi vụ lúa (sau khi đã trả thuế má và chi phí sản xuất), 30% mỗi vụ trồng cây khác.

- Thời gian "muốn" tập thể: HTX và TĐSX giao cho các xã viên quyền sử dụng ruộng đất tập thể trong thời hạn là 15 năm.

- "Khoán gọn" được "khoán trắng" thay thế. Từ nay, mỗi xã viên hoàn toàn chịu trách nhiệm một mảnh ruộng của tập thể, "mà diện tích tùy thuộc khả năng sản xuất của họ" (không hạn chế diện tích canh tác của xã viên, nếu tập thể có dư thừa ruộng đất). Mỗi xã viên trực tiếp chịu trách nhiệm 8 khâu canh tác lúa (thay vì 5 khâu trước kia).

- Cho phép thu dụng nhân công. Nhà nước đặc biệt khuyến khích vấn đề này.

- Duyệt xét lại thuế má để giảm chi phí sản xuất:

* Giảm giá phân bón hóa học, thuốc trừ sâu.

* Trực tiếp giao phân bón đến tận nơi sản xuất, để tránh gia tăng chi phí sản xuất (vì lệ phí chuyên chở và tiền lãi trung gian do chính phủ địa phương thu).

* Trả địa tô, trả chi phí phân bón v.v... cho nhà nước bằng tiền mặt (theo sự khuyến cáo của chính phủ), thay vì bằng hiện vật như trước kia (lúa).

* Các sắc thuế khác: Ngoài thuế điền thổ (địa tô) và

một vài loại thuế địa phương (như thuế phúc lợi xã chẳng hạn), các xã viên và nông dân cá thể không còn phải trả các sắc thuế khác chẳng hạn như thuế "phụ thu", thuế "đoàn kết" v.v... Hủy bỏ thuế lũy tiến.

- Hủy bỏ các nông trại quốc doanh làm ăn lỗ lã và đất đai được giao lại cho nông dân canh tác. Trâu bò và các phương tiện sản xuất khác (máy cày, máy bơm nước v.v...) được bán đấu giá cho nông dân. Các nông trại quốc doanh được quyền tự trị tài chánh, nhà nước không còn bao cấp nữa.

- Giải phóng tư thương: Song song với chính sách đổi mới nông nghiệp, nhà nước ban hành nhiều biện pháp khuyến khích tư thương làm ăn, để "giải phóng sức sản xuất của nhân dân bị cột trói từ lâu" (sic).

- Tự do lưu thông hàng hóa được cho phép lại.

Các biện pháp "đổi mới" nông nghiệp nêu trên cho phép chúng ta đưa ra một số nhận xét:

- Luật đất đai do Quốc Hội biểu quyết (tháng 12-1986) thật sự được áp dụng:

* Thời hạn thuê ruộng đất được quy định là 5 năm (Thay vì từ 1 đến 3 năm hoặc 5 năm trước kia, tùy theo tỉnh).

* Địa tô không thay đổi trong suốt thời gian 15 năm (Thay vì 1 năm hoặc một mùa làm ruộng hay chỉ có 1 vụ lúa mà thôi).

- "Khoán trắng" thay thế "khoán gọn". Hình thức

"khoán trắng" này làm thay đổi phương pháp canh tác. Lối làm ăn tập thể bị hủy bỏ và được thay thế bằng phương pháp trực canh cá thể. Mỗi xã viên chịu trách nhiệm một mảnh ruộng tập thể. Ban quản trị HTX, TĐSX giao hết cho họ sử dụng trong 15 năm, địa tô là 10% mỗi vụ (cứ mỗi 5 năm, chính quyền duyệt xét lại địa tô một lần). Hình thức canh tác này chẳng khác gì phương pháp trực canh của chế độ VNCH, ngoại trừ ruộng đất trở thành "quyền sở hữu của toàn dân", do Nhà nước quản lý" (sic). Như vậy, ta nhận thấy rằng chính quyền Hà Nội quay trở lại phương pháp trực canh của chế độ cũ ở miền Nam và áp dụng địa tô giống như quy chế tá canh của Tổng thống Diệm.

- "Khoán" được giảm xuống, tùy theo loại ruộng lúa, có lợi cho xã viên.

- Các điểm lợi khác:

* Duyệt xét giảm giá phân bón.

* Hủy bỏ bán 1 số lượng lúa bằng 10% mỗi vụ, với giá chính thức rẻ mạt.

* Hủy bỏ bắt buộc mua trái phiếu Nhà nước, sau mỗi vụ lúa.

* Hủy bỏ đánh "thuế phụ thu" do chính quyền địa phương đặt ra, bất lợi cho nông dân.

* Hủy bỏ thuế lũy tiến v.v...

Thật ra, "Khoán 10" chỉ là sự tiếp nối của Nghị quyết Trung ương đảng kỳ 2, khóa VI (họp từ 1 đến 9-4-1987).

Nghị quyết này, thay vì được thi hành sau phiên họp nêu trên, lại bị dời lại 1 năm (từ tháng 4-1987 đến tháng 4-1988). Trong suốt một năm chuyển tiếp này, cách làm ăn tập thể và biện pháp thuế khóa vẫn được giữ y nguyên như cũ. Chính sách làm ăn tập thể và thuế khóa quá cao này đã làm cho nông dân bất mãn, chống đối, vì định mức "khoán" cứ tăng mãi, giá phân bón cũng thế, sự kiện nêu trên đã làm lệ phí sản xuất tăng vọt. Lệ phí này (mùa lúa 1987-1988) lên đến 80% mỗi vụ lúa ở miền Bắc và có nơi, lệ phí vượt quá 100% như tại Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh chẳng hạn (48).

Một vụ lúa địa phương (Thời gian 1986-1988) chỉ đem lại cho xã viên lợi tức bình quân:

- Kém hơn 30% mỗi vụ lúa ở đồng bằng sông Cửu Long nghĩa từ 12 đến 20 kg thóc/mỗi xã viên/tháng (thay vì 40%) hoặc nhiều hơn nữa trong những năm 1981-1982).

- Còn thấp kém hơn nữa ở miền Bắc, khoảng 20% tối đa cho mỗi xã viên (từ 10% đến 12 kg thóc/mỗi xã viên/tháng).

Lợi tức của nông dân cá thể (1 đến 3 ha) cao hơn lợi tức xã viên nhiều: 24 đến 66 tạ mỗi vụ lúa địa phương (480-520 kg thóc), bình quân từ 80 đến 87 kg 1 tháng.

Tuy nhiên, xã viên và nông dân cá thể đều bất mãn cả, vì từ năm 1983, lợi tức của họ bị tụt giảm mạnh, từ 60-204 tạ mỗi vụ lúa trong những năm 1981-1982, lợi tức của họ chỉ còn có 24-26 tạ thôi vào năm 1986-1987, giảm

từ 57 đến 83%!

Với lợi tức quá thấp, xã viên và nông dân cá thể không thể nào đảm bảo nuôi sống gia đình với lương thực (gồm ít nhất 5 con, theo số thống kê chính thức). Bực tức, chán nản, họ không muốn làm ăn nữa, với đồng lương chết đói. Do đó, giới nông dân bất mãn, nổi dậy chống lại chế độ Cộng sản Bắc Việt. Vào những năm 1987-1989, nhiều vụ biểu tình của nông dân đã diễn ra ở một vài tỉnh của đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng Tây phương không hề hay biết. Hệ thống truyền thông của Hà Nội cũng im hơi lặng tiếng về những biến cố này. Lẽ dĩ nhiên, ngoại trừ nhân dân tại địa phương có xảy ra biến cố, nhân dân cả nước cũng không biết đến. Chỉ có 2 cuộc biểu tình tại thành phố Hồ Chí Minh (ngày 12-8 và các ngày 9 và 10 tháng 11 năm 1988) được báo chí Việt Nam đăng lên trang nhất, sau đó báo chí quốc tế mới đăng tin trở lại những cuộc biểu tình nông dân này. Ngoài 3 yêu sách mà họ tranh đấu đòi thực hiện (quyền tư hữu ruộng đất, trực canh, giảm giá phân bón), họ còn nêu lên nhiều nguyện vọng khác chỉ trích Cộng sản Hà Nội:

- Nhiều bất công trong việc phân phối ruộng đất cho xã viên, khi áp dụng tập thể hóa trong những năm 1983-1985: các ban quản trị HTX và TĐSX "ăn công ký với nhau" (giữa họ và chính quyền xã) giao cho cán bộ xã các mảnh ruộng tốt nhất, gần làng. Trái lại, "dân" phải nhận các mảnh ruộng đất xấu, xa cách làng, khó làm đất, mất

nhiều thời giờ để đến nơi làm ruộng.

- Họ tố cáo nạn tham nhũng, nạn cửa quyền, nạn lạm quyền của cán bộ xã, bắt bớ người trái phép, không có lý do chính đáng v.v...

Để xoa dịu dư luận nông dân phẫn nộ, Hà Nội vội vã áp dụng nhiều biện pháp như:

- Duyệt xét lại chính sách phân phối ruộng đất đồng đều. Lấy lại ruộng cán bộ nào, mà nghiệp vụ chánh không phải là nghề nông và giao lại ruộng này cho nông dân canh tác.

- Giải quyết ngay tức khắc và công bằng tất cả những vấn đề còn tồn tại giữa nông dân và cán bộ xã, địa phương, không để cán bộ và đảng viên lạm quyền, chiếm đất canh tác, gây thiệt thòi nông dân.

Tuy nhiên, Hà Nội vẫn giữ y lập trường dứt khoát về 3 yêu sách của nông dân: quyền tư hữu ruộng đất, quyền trực canh, hạ thấp giá phân bón. Nhà nước nhất định không hoàn trả lại quyền sở hữu ruộng đất của họ, vì vấn đề này đụng chạm đến quan điểm Mác-Lê-Nin. Nhà nước cũng từ chối giảm giá phân bón trong vụ lúa 1987-1988. Tùy theo tỉnh, giá 1 kg phân chẳng hạn bằng 4 hoặc 4,5 kg thóc (nghĩa là bằng gấp đôi giá phân của các năm 1981-1982). Định mức "khoán" và giá phân bón quá cao, làm tăng vọt lệ phí sản xuất. Lệ phí này chiếm đến khoảng 80 hoặc trên 85% mỗi vụ lúa. Như vậy, gia tăng năng suất ruộng lúa bằng thâm canh không có lời (vì phân

bón hóa học quá đắt). Vì 3 yêu sách nêu trên không được thỏa mãn, xã viên tìm cách phá hoại HTX, TĐSX. Nông dân cá thể cũng có thái độ tương tự: bất hợp tác với chính quyền.

Hiện tượng ruộng bị hoang hóa lan tràn ở đồng bằng sông Hồng, mặc dù tại đây có áp lực nhân mãn. Họ sống trong cảnh lâm than, đa số đói thiếu nhưng lại từ chối không tái ký "hợp đồng khoán" với HTX và TĐSX. Tác giả Nguyễn Sinh Cúc đã mô tả thảm trạng này trong quyển sách bằng đoạn văn như sau (49):

"Hiện tượng ruộng lúa khoán xuất hiện khắp mọi vùng, mọi địa phương, một phần trong số đó bị bỏ hoang hoặc giao cho các đoàn thể sử dụng, năng suất..." Tại đồng bằng sông Cửu Long, hiện tượng ruộng hoang hóa cũng tương tự, xã viên và nông dân cá thể thích giảm hoạt động, hạn chế sản xuất, mặc dù chính quyền địa phương và nhà nước khuyến khích họ tăng diện tích đất trồng trên 2 ha, ở những nơi nào đất bị bỏ hoang, thiếu lao động. Họ từ chối, không hợp tác với chế độ và sự kiện này gây nhiều hậu quả tai hại, trên phương diện sản xuất quốc gia:

- Sản lượng lương thực "dậm chân tại chỗ" hoặc có khuynh hướng suy giảm, vì diện canh tác giảm, năng suất kém trong các năm 1985-1988. Diện tích ruộng lúa hầu như cố định, khoảng 5,6 triệu ha.

- Năng suất ruộng lúa kém: Khoảng 2,3 đến 2,5

tấn/ha/vụ (theo lời nông dân đến Pháp tỵ nạn, gốc đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng duyên hải Trung Bộ), thay vì 2,5 hoặc 2,9 tấn/ha, theo số liệu thống kê chính thức.

Sản lượng lương thực tụt giảm, thất nghiệp gia tăng, siêu lạm phát bằng 3 số, nạn đói kém, biểu tình nông dân chống đối vào các năm 1987-1988 đã làm cho nhân dân cả nước thất vọng, chán nản. Do đó, Cộng sản Hà Nội khẩn trương duyệt xét lại chính sách nông nghiệp. Nhân dân thiếu ăn, thiếu đói, quá đói! Từ nay, Hà Nội không còn bận tâm ý thức hệ, họ áp dụng mọi biện pháp kinh tế, mọi giải quyết, miễn là họ thành công cứu nguy, giải quyết khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy từ trước đến giờ.

- Áp dụng thật sự Nghị quyết 10.

- * "Khoán trắng" thay thế "khoán gọn". Hủy bỏ phương pháp làm ăn tập thể, theo cách tính "chấm công điểm".

- * Thay đổi phương pháp sản xuất và "đổi mới" quản lý đất đai:

- Từ nay, phương pháp sản xuất XHCN (làm ăn tập thể) được thay thế bằng phương pháp "trực canh cá thể".

- Ban quản trị HTX, TĐSX giao cho mỗi xã viên một mảnh ruộng tập thể, họ trực canh trong thời hạn là 15 năm, hoàn toàn chịu trách nhiệm 8 khâu canh tác lúa (thay vì 5 khâu trước kia).

- Không hạn chế diện tích canh tác của xã viên

(thay vì trước kia, ban quản lý giao bình quân 0,30 ha cho mỗi lao động chánh hoặc 1 ha cho mỗi gia đình xã viên có 3 lao động chánh). Nguyên tắc phân chia đồng đều, ngang bằng nhau về ruộng đất cho nông dân đã được bảo đảm.

* Duyệt xét giảm địa tô: ước lượng trở lại định mức "khoán". Mức "khoán" này được hạ thấp xuống một cách hợp lý và không thay đổi trong thời hạn là 5 năm, để khuyến khích xã viên thâm canh.

* "Đổi mới" quản lý HTX, TĐSX và các nông trại quốc doanh:

Vì đất tập thể giao cho xã viên "mướn" trong 15 năm, các HTX, TĐSX và các nông trại quốc doanh chỉ có danh nghĩa và các xã viên là các nông dân cá thể trực canh, trả cho Nhà nước "địa tô". Do đó, ban quản lý HTX, TĐSX không còn nắm vai trò chỉ đạo, thành lập kế hoạch và không còn là trung tâm điều hành sản xuất của thời trước nữa. Từ nay, ban quản lý bị thu hẹp vào các công tác dịch vụ như mua hạt giống, con giống, phân hóa học, thuốc trừ sâu v.v... hoặc thông tin, tiếp đón quan khách đến viếng thăm xã, HTX v.v...

* Duyệt xét giảm giá phân bón hóa học. Từ 4 hoặc 4,50 kg thóc bằng 1 kg phân viêm năm 1987, giá này tụt giảm còn 3 hoặc 3,50 kg (tùy theo địa phương) từ tháng 5-1988.

Sau một năm áp dụng "khoán 10", sản lượng lương thực tái gia tăng. Lợi tức nông dân được cải thiện khá rõ

rệt, nhất là tại đồng bằng sông Cửu Long:

- 44,5% mỗi vụ lúa, theo cuộc điều tra của Tổng Cục Thống Kê Hà Nội năm 1990, tại 4 tỉnh điểm, con số thổi phồng nhằm mục đích tuyên truyền hơn là diễn đạt thực trạng nông dân Việt Nam⁽⁵⁰⁾.

- Theo cuộc điều tra, phỏng vấn riêng của chúng tôi với nông dân đến Pháp tỵ nạn (gốc đồng bằng sông Cửu Long), thì lợi tức của họ như sau:

• 35 đến 38% mỗi vụ lúa năm 1990 ở các tỉnh miền Đông Nam bộ (Sông Bé, Đồng Nai). Tại nơi đây, một vài khâu trồng lúa (cày, bừa, trực đất do máy cày của các đồn điền cao su quốc doanh đảm nhận chẳng hạn) do Nhà nước thực hiện, bởi vậy tập thể phải chi một số ngân khoản để trả cho những khâu này, làm cho chi phí sản xuất gia tăng, giảm mức lời của xã viên.

• Từ 42 đến 45% mỗi vụ ở các tỉnh miền Tây (cao hơn gấp đôi so với lợi tức của những năm trước kia). Tại đây, xã viên đảm nhận 8 khâu trồng lúa.

Những con số nêu trên được cán bộ cao cấp Hà Nội sang Pháp công tác "đồng ý, tương đối sát với tình hình nông dân Việt Nam".

- Vẫn theo họ, thì lợi tức nông dân miền Bắc vẫn thấp hơn, với lợi tức nông dân miền Nam: từ 25 đến 28% mỗi vụ (10 đến 15% trước kia).

Lợi tức nông dân miền Bắc và miền Nam được ước tính bằng tỷ số phần trăm của vụ lúa, chưa diễn đạt trung

thực, chính xác sự chênh lệch mức sống giữa hai miền.

Thật vậy, ở đồng bằng sông Hồng bị áp lực nhân mãn, mỗi gia đình nông dân chỉ canh tác bình quân 1,5 đến 2 sào ruộng lúa (1 sào = 1/10 mẫu; 1 mẫu = 3.600 m²), nghĩa là từ 1080 đến 1440 m² gieo trồng (2 vụ lúa mỗi năm). Trái lại, ở miền Tây Nam bộ còn thưa dân, mỗi gia đình nông dân canh tác 1 hoặc 2 ha (cho 2 vụ lúa mỗi năm) là điều thông thường (nghĩa là từ 2 đến 4 ha gieo trồng). Hơn nữa, năng suất ruộng lúa miền Tây cao hơn (3,2 tấn/ha năm 1992-1993 so với 2,7-2,9 tấn/ha miền Bắc). Như vậy lợi tức hàng năm của nông dân miền Nam cao hơn nhiều so với lợi tức nông dân miền Bắc.

Theo cuộc điều tra của chúng (được các cán bộ Hà Nội sang Paris công tác xác nhận), "Nghị quyết 10" thật sự được áp dụng tại Nam Bộ, từ vụ lúa mùa (tháng 7 đến tháng 12-1988). Trái lại, nó bị chậm trễ 2 năm (1988-1989) ở miền Bắc. Tại đây, hình thức làm ăn tập thể tính theo "công điểm" vẫn chiếm ưu thế lúc bấy giờ.

"Khoán trắng", áp dụng tại miền Bắc, gặp nhiều khó khăn ở cấp tỉnh mà đa số cấp lãnh đạo thuộc thành phần "bảo thủ cực đoan". Họ chống đối quyết liệt chính sách "khoán trắng", không thích "đổi mới" phương pháp sản xuất và quản lý, đi ngược lại quan điểm Mác-Lê. Hơn nữa, sự thay đổi này có thể không những phải duyệt xét lại bộ máy sản xuất XHCN, mà còn phải duyệt xét lại, thay đổi sâu sắc cơ cấu tổ chức đảng và nhà nước.

Thật vậy, việc thay thế "khoán gọn" bằng "khoán trắng" bắt buộc phải thay đổi cơ cấu của ban quản lý HTX và TĐSX..., vì ban quản lý bị thu hẹp lại phạm vi dịch vụ thôi. Nó mất hết nhiều vai trò trước kia như chỉ đạo sản xuất, làm kế hoạch, điều hành các lãnh vực sản xuất của tập thể (nông nghiệp, chăn nuôi v.v...).

Đất đai HTX và TĐSX do các xã viên trực tiếp quản lý, mỗi xã viên trực tiếp chịu trách nhiệm một mảnh ruộng (thành công hay thất bại kinh doanh tùy thuộc ở họ).

Các xã viên có quyền để cho con cái họ thừa kế một mảnh ruộng hoặc "nhượng" lại cho một nông dân khác. Như thế HTX và TĐSX "hữu danh vô thực" và các xã viên thực ra là các "nông dân cá thể", trả cho Nhà nước địa tô mỗi năm. Các ban quản trị của HTX và TĐSX không còn lý do gì để được duy trì. Khác hẳn với các nông trại tập thể của miền Nam (HTX, TĐSX) một phần lớn là TĐSX (dưới 50 ha), các HTX miền Bắc thuộc loại nông trại bậc trung và bậc cao (300-400 ha hay nhiều hơn nữa). Ban quản trị của HTX gồm chủ yếu các cán bộ và đảng viên. Họ lãnh lương hàng tháng và mỗi gia đình canh tác một mảnh ruộng tập thể. Một số đảng viên này kiêm nhiệm nhiều chức vụ khác (chủ tịch, hội viên hội đồng nhân dân địa phương, bí thư xã v.v...). Ngoài tiền lương, họ còn hưởng nhiều nguồn lợi khác, chẳng hạn như phụ cấp chức vụ (bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân xã), họ còn nhiều

đặc quyền, đặc lợi (được lãnh dưới hình thức sản phẩm) và nhân dân ít biết đến. Họ dùng ảnh hưởng chức vụ để làm "áp phe". Họ liên kết với nhau mật thiết, tạo thành bè phái, tổ chức chặt chẽ có hệ thống, từ các Bộ ở trung ương đến cơ sở xã-ấp. Được cấp trên che chở, các cán bộ bám chặt nhiều chức vụ. Họ rất kỷ luật, vâng lời cấp trên một cách mù quáng. Họ "ăn chia" với cấp trên quyền hành, danh dự, tiền tài, các đặc quyền đặc lợi khác v.v... Mỗi cán bộ cao cấp chẳng khác nào là một vị "lãnh chúa" trong địa phận họ như bí thư đảng của một huyện, một tỉnh hay một thành phố chẳng hạn. Nhà cửa có đầy đủ tiện nghi, nhờ các hợp tác xã cung phụng, nhờ thuế má. Quyền hành của họ rất to lớn (nhưng kín đáo). Họ là những "cường hào ác bá" địa phương, sống nhờ tập thể cung phụng, giống như "ký sinh trùng". Nhưng họ là các cột trụ của chế độ Cộng sản Hà Nội. Họ kiểm soát chặt chẽ "dân" (dư luận, chính trị, lợi tức, gia tài v.v...). Bất cứ nơi nào trong địa phận của họ, họ đều biết rõ, không có gì lọt khỏi "cặp mắt tò mò" của họ cả. Nếu "khoán trắng" được triệt để áp dụng toàn diện tại miền Bắc, thì việc tổ chức lại guồng máy sản xuất (tức ban quản trị HTX, TĐSX) và đảng phải được đặt ra, không thể tránh được: phải giảm bớt số nhân viên của ban quản trị HTX và TĐSX, giảm bớt số đảng viên làm việc trong guồng máy đảng v.v... Quyền lợi của "các cường hào ác bá" này bị đe dọa ngay tức khắc. Bởi vậy, họ chống đối triệt để việc "đổi mới", việc thay đổi phương pháp sản

xuất XHCN, làm cho họ mất nhiều chức vụ, tất nhiên, mất quyền hành, nguồn lợi vật chất v.v... Hơn nữa, việc giảm bớt số cán bộ trong HTX và TĐSX, có thể nguy hại đến nền an ninh nông thôn, vì thiếu kiểm soát nông dân, và do đó, nền an ninh quốc gia (tức của đảng) sẽ bị đe dọa. Bởi vậy, giới "bảo thủ cực đoan" tìm đủ mọi cách trì trệ "đổi mới" (kinh tế). Vì có sự chống đối trong nội bộ đảng, nên việc "đổi mới" quản lý ruộng đất ở miền Bắc tiến chậm chạp. Cho đến nay, "khoán gọn" vẫn còn được duy trì ở nhiều tỉnh. Theo Nguyễn Sinh Cúc, thì trên tổng số 8 khâu canh tác lúa, tập thể đảm nhận 3 khâu (thay vì 5 khâu trước kia), mỗi xã viên chịu trách nhiệm 5 khâu còn lại (gieo, cấy, bón phân, chăm sóc mạ và gặt lúa), nhờ đó, họ giảm bớt chi phí quản lý đến 50-60%. Vì chi phí sản xuất nặng, nên năng suất ruộng lúa thấp (do còn duy trì 3 khâu canh tác tập thể) và vì mảnh đất giao phó cho xã viên nhỏ hẹp, nên lợi tức nông dân miền Bắc còn thấp hơn nhiều so với lợi tức của nông dân miền Nam. Tuy nhiên, người ta nhận thấy rằng từ 4 năm qua (1990-1994), mức sống nông dân miền Bắc được cải thiện đôi chút, trong khi qua nhiều thập kỷ trước kia, họ sống trong cảnh lầm than, thiếu ăn, thiếu đói hầu như thường xuyên. Hà Nội phải nhập khẩu đều trên nửa triệu tấn gạo mỗi năm (gần 500.000 tấn năm 1988). Năm cuối cùng này đánh dấu một khúc quanh quan trọng của nền kinh tế nông thôn Việt Nam. Từ một nước bị thiếu hụt lương thực triền miên, Việt

Nam bồng nhiên trở thành từ năm 1989 một quốc gia xuất khẩu gạo ở hàng thứ 3 thế giới (sau Thái lan và Hoa Kỳ). Chính sách "giải phóng" kinh tế chiếu theo "Khoán 10" đã giúp Hà Nội vượt qua một bước khó khăn, trong việc giải quyết nạn khủng hoảng kinh tế nông thôn.

Tuy nhiên, nhiều vấn đề nông nghiệp khó khăn vẫn còn tồn tại. Hà Nội cần khẩn trương giải quyết, nếu họ muốn thoát khỏi nạn khủng hoảng kinh tế thường trực và cải thiện mức sống đại chúng.